

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 200/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2023

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 196/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Huyền Tr**, sinh năm 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện ở Đài Loan (Trung Quốc).

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1992.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: KDC K, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện ở Liên Bang Nga. Vắng mặt.

3. Người được chị Tr ủy quyền về việc giao nhận các văn bản tố tụng: Chị **Vũ Thị Ch**, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC Tr, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Trần Huyền Tr** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn Tr** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C (nay là phường T, thành phố C), tỉnh Hải Dương, ngày 02/3/2015. Sau khi kết hôn, anh chị vào làm ăn, sinh sống tại quận B, thành phố Hồ Chí Minh, cuộc sống vợ

chồng hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm, lối sống, không thống nhất trong làm ăn kinh tế. Do cuộc sống chung căng thẳng, không có hạnh phúc nên anh Tr đã bỏ về nhà ở phường T, thành phố C sinh sống, còn chị ở lại thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2019 anh Tr đi lao động tại Liên Bang Nga, thời gian sau này chị đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Vợ chồng mỗi người ở một nơi nên không có sự tin tưởng, không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Nguyễn Tr S, bà Vũ Thị Đ(bố mẹ đẻ anh Tr) thể hiện: Anh Tr hiện đang sinh sống tại Liên Bang Nga, địa chỉ cụ thể thì ông bà không biết, nhưng anh Tr thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Tr biết. Vợ chồng chị Tr, anh Tr xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị không có con chung, không có nhiều thời gian chung sống cùng nhau. Thực tế anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Tr có đơn ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, ông bà đã thông báo cho anh Tr biết. Anh Tr không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với ông bà qua điện thoại và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị Tr, anh Tr đăng ký kết hôn thể hiện: Chị Tr và anh Tr có đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì địa phương không nắm được cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng anh chị, thông qua nắm bắt thông tin từ gia đình thì anh chị mâu thuẫn do không có con chung, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Chị Tr có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Huyền Tr vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ.Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Trần Huyền Tr ly hôn anh Nguyễn Văn Tr; Chị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Huyền Tr hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), trong thời gian nghỉ phép về nước chị Tr đã gửi đơn ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đều có xác nhận của UBND phường Cộng Hòa, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị Tr. Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại KDC K, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Liên Bang Nga, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr và gia đình ông Sinh, bà Đông không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình ông Sinh, bà Đông vẫn thường xuyên liên lạc với anh Tr nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh Tr biết việc chị Tr đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh Tr biết. Tại phiên tòa, anh Tr vắng mặt lần thứ hai, chị Tr có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Huyền Tr và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C (nay là phường T, thành phố C), tỉnh Hải Dương, ngày 02/3/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng mỗi người ở một nơi nên không có sự tin tưởng nhau. Anh Nguyễn Văn Tr không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc với gia đình, anh Tr cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Huyền Tr và anh Nguyễn Văn Tr đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Huyền Tr ly hôn anh Nguyễn Văn Tr là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Huyền Tr và anh Nguyễn Văn Tr không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có

thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Huyền Tr phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Huyền Tr** ly hôn anh **Nguyễn Văn Tr**.

2. Về án phí: Chị Trần Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị Vũ Thị Ch đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2022/0000164 ngày 15/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Huyền Tr, anh Nguyễn Văn Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân